TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản ánsố:**49**/2022/DS -ST
Ngày: 31/5/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Ông Trần Văn Phước

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2022/TLST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:70/2022/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số x, Tổ y, Khu phố Đ, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố, Thị trấn H, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị S trình bày:

Bà Đặng Thị S và bà Nguyễn Thị T có mối quan hệ quen biết nên có cho bà T vay tiền nhiều lần nhưng do lâu ngày nên không nhớ số tiền cho vay là bao

nhiêu. Vào ngày 15/ 08/ 2017 (âm lịch) nhằm ngày 04/10/2017 (dương lịch) bà Đặng Thị S và bà Nguyễn Thị T chốt nợ với nhau nhưng bà T không có tiền trả, nên bà S cho bà T tham gia 01 chân hụi do bà S làm chủ. Hụi tháng 2.000.000đồng, có 31 người tham gia, mỗi tháng hốt một lần, ai bỏ cao thì người đó được hốt, bà T bỏ 700.000 đồng và là người hốt đầu tiên được số tiền 39.000.000 đồng, trừ tiền cò 1.000.000đồng còn lại 38.000.000đồng, sau khi cấn trừ nợ bà S đã giao đủ tiền còn lại cho bà T nhưng không nhớ chính xác đưa lại bao nhiêu, khi hốt hụi bà T có ký biên nhận nợ hụi với bà S. Sau khi hốt hụi bà T góp lại được 07 lần với số tiền là 14.000.000 đồng, còn lại 23 lần với số tiền là 46.000.000 đồng thì không góp nữa mặc dù đến ngày 27/3/2021 (Dương lịch) là đã mãn hụi, các lần bà T không góp thì bà S phải góp thay cho bà T đủ số tiền cho các hụi viên.

Ngoài ra vào ngày 29/9/2018 bà T có vay của bà S số tiền 5.000.000 đồng, khi vay không làm giấy tờ , bà T hứa trong vòng 01 tháng sẽ thanh toán cho bà S, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 2.000đ/ngày/1.000.000đồng, nhưng bà T không trả gốc cũng như không đóng lãi được khoản tiền nào.

Tổng số tiền nợ góp hụi và tiền vay bà Nguyễn Thị T còn nợ bà Đặng Thị S tổng cộng là 51.000.000 đồng, số tiền này bà S đã yêu cầu bà T thanh toán nhiều lần nhưng bà T không thanh toán, do đó bà S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán nợ tiền hụi và tiền vay còn thiếu là 51.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 15/01/2020 thời gian yêu cầu là 17 tháng lãi suất yêu cầu tính 1.66%/tháng thành tiền là 14.392.200 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi bà Đặng Thị S yêu cầu bà T phải thanh toán là 65.392.200 đồng.

Ngày 19/5/2022 bà Đặng Thị S có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi và lãi suất cụ thể : Thời gian tính lãi kể từ ngày mãn hụi là ngày 27/3/2021 (Dương lịch) đến ngày 27/01/2022 là 10 tháng, lãi suất yêu cầu là 0.83%/tháng, thành tiền là 4.230.000 đồng. Rút phần tiền tính lãi là 10.099.200 đồng.

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi sau khi rút một phần yêu cầu khởi kiện bà Đặng Thị S yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán là 55.230.000 đồng.(Năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)

Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị T có vay nợ bà S, nhưng nợ số tiền bao nhiêu bà T không nhớ. Đến ngày 15/ 08/ 2017 (âm lịch) nhằm ngày 04/10/2017 (dương lịch) bà Đặng Thị S cho bà T tham gia góp hụi để thanh toán nợ vay cho bà S, tuy nhiên bà T không biết góp hụi hay mua lại hụi. Bà T đồng ý và bà S cho bà là người hốt đầu tiên để trả tiền nợ vay cho bà S, bà S cho bà T ký nhận nợ số tiền nợ chơi hụi là 39.000.000đ, trừ tiền cò 1.000.000đ, còn 38.000.000đồng là trả xong tiền góp cho bà S (tương đương với số nợ vay của bà thời điểm đó), thực tế bà T không có nhận được tiền hụi đem về, bà T thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 15/8/2017 là chữ ký của bà, sau đó bà có góp hụi cho bà S được 7 lần tương đương số tiền 14.000.000đồng. Đối với khoản tiền vay bà T thừa nhận có vay 5.000.000đồng của bà S.

Bà Đặng Thị S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho bà Đặng Thị S số tiền nợ gốc và lãi là 65.392.200đ thì bà Nguyễn Thị T không đồng ý, bà T chỉ đồng ý trả thanh toán cho bà Đặng Thị S 35.000.000đồng còn lại thì xin miễn trả và xin trả theo ngày, mỗi ngày 30.000đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*Bà Đặng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ góp hụi (họ) và tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"và "Hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] *Về Thủ tục tố tụng:* - Bà Đặng Thị S và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu của bà Đặng Thị S rút một phần yêu cầu khởi kiện với phần tiền lãi 10.099.200 đồng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi là 10.099.200 đồng (Mười triệu không trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng)

[3] *Về nội dung vụ án:* Vào ngày 15 tháng 08 năm 2017 (âm lịch) nhằm ngày 04/10/2017 (dương lịch) bà Nguyễn Thị T có tham gia 01 chân hụi tháng 2.000.000 đồng do bà Đặng Thị S làm chủ. Dây hụi có 31 người tham gia, bà T là người hốt đầu tiên được 39.000.000 đồng, sau khi trừ tiền cò 1.000.000 đồng bà T ký nhận nợ với bà S số tiền 38.000.000 đồng. Số tiền bà T phải góp lại là 60.000.000 đồng, tuy nhiên bà T chỉ góp lại được 14.000.000 đồng còn nợ lại 46.000.000 đồng thì không góp nữa mặc dây hụi đã mãn vào ngày 27/3/2021 (Dương lịch), ngoài ra vào ngày 29/9/2018 bà T có vay của bà S số tiền 5.000.000 đồng. Việc tham gia hụi hai bên có làm biên nhận và bà T thừa nhận có ký nhận nợ hụi bà S, số tiền vay 5.000.000 đồng mặc dù hai bên không làm biên nhận nhưng được bà T thừa nhận. Như vậy những tình tiết mà bà S đưa ra được bà T thừa nhận nên phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi:

[4.1] Về nợ gốc góp hụi: Khi giao kết hợp đồng góp hụi giữa bà Đặng Thị S và bà Nguyễn Thị T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên được quy định tại các Điều 117; 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên có quyền, nghĩa vụ phải thực hiện. Do đó, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18 và Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ về Hụi, họ, biêu, phường thì yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S yêu cầu bà Nguyễn Thị T thanh toán tiền nợ góp hụi là 46.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T thanh toán cho bà Đặng Thị S số tiền nợ hụi là 46.000.000 đồng.

[4.2] Về nợ vay gốc: Vào ngày 29/9/2018 bà Đặng Thị S cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền là 5.000.000 đồng; khi vay hai bên không có làm biên nhận , quá trình tố tụng bà T thừa nhận số nợ gốc vay gốc của bà S là 5.000.000 đồng, do đó căn cứ các các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận , buộc bà T thanh toán số tiền nợ vay cho bà S là 5.000.000 đồng.

[4.3] Về yêu cầu tính lãi cả nợ góp hụi và nợ vay: Bà Đặng Thị S yêu cầu tính lãi cả nợ hụi và nợ vay tổng cộng tiền gốc là 51.000.000 đồng, mốc thời gian tính kể từ ngày mãn hụi là ngày 27/3/2021 (Dương lịch) đến ngày 27/01/2022 là 10 tháng, lãi suất yêu cầu là 0.83%/tháng, thành tiền là 4.230.000 đồng, đây là sự tự

nguyện của bà Đặng Thị S về thời gian tính lãi và lãi suất yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T thanh toán cho bà S khoản tiền lãi là 4.230.000 đồng.

Như vậy: Tổng cộng các khoản cả gốc và lãi được Hội đồng xét xử chấp nhận là 55.230.000 đồng(Năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

[5] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị T xin được thanh toán tổng cộng là 35.000.000 đồng còn lại xin miễn trả và thanh toán theo n gày, mỗi ngày 30.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà Đặng Thị S chấp nhận nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn là 55.230.000 đồng x 5% = 2.761.500 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; các Điều 266; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: các Điều 117; 463; 466; khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015

- Căn cứ: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S yêu cầu bà Nguyễn Thị T thanh toán nợ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T thanh toán cho bà Đặng Thị S tổng cộng các khoản cả gốc và lãi là 55.230.000 đồng.(Năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng), nợ lãi là 4.230.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đặng Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, phía bà Nguyễn Thị T còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với phần tiền lãi 10.099.200 đồng (Mười triệu không trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.761.500 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm đồng)

Bà Đặng Thị S không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.635.000 đồng *(Một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001653, ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Hoàng Văn Phúc